TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2017
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1.Ông Đỗ Việt Hùng.

2.Bà Trần Thị Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 và ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2017/TLST- HNGĐ ngày 02/6/2017 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2017/QĐST ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Hải P, huyện H, tỉnh N.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Hải P, huyện H, tỉnh N.

(Chị N, anh T có mặt trong ngày 23/8/2017 ; anh T vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/8/2017; chị N có mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Văn T đăng ký kết hôn ngày 23/02/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Hải P, huyện H, tỉnh N trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T. Từ đầu năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chăm lo đến cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu

và về nhà chửi có lúc đánh đập vợ con Từ tháng 7 năm 2010 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ trách nhiệm với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chị N làm đơn xin được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị N khai nhận có 03 con chung là cháu Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 10/3/1998, cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/02/2003 và cháu Vũ Ngọc Phát, sinh ngày 07/10/2009. Hiện nay, cháu D đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án Giải quyết, còn hai con chung chưa thành niên là cháu T và cháu Phát hiện đang ở với chị N, chị N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng hai con con chung là cháu T và cháu Phát chưa thành niên.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Khi cưới cháu D là con lớn trong gia đình, sau khi trừ đi các khoản chi phí cho đám cưới, vợ chồng còn số tiền mừng đám cưới còn lại là 20.190.000đ và 4 chỉ vàng 9999. Vợ chồng đã thỏa thuận số tiền này để lại nhờ ông Lã Ngọc C ghi sổ giữ giúp để sau này vợ chồng ly hôn thì giao cho người nuôi hai con nhỏ. Nay chị N có nguyện vọng nuôi hai con, nếu hai con đồng ý sống cùng chị N thì chị N xin được nhận số tiền này để nuôi con, nếu khi giải quyết tại Tòa án anh T không nhất với thỏa thuận giao số tiền và vàng mừng đám cưới cho chị để nuôi con thì chị N đề nghị Tòa án buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N khai nhận: Chị N anh T có tài sản chung gồm: một ngôi nhà cấp bốn ba gian xây trên thửa đất số 92, số tờ 20, diện tích 735m^2 tại xã Hải Phúc, đứng tên vợ chồng và 01thửa đất số thửa 94, số tờ 20, diện tích 310m^2 tại xã Hải Phúc, đứng tên vợ chồng chị N, anh T. Ngoài ra vợ chồng chị N, anh T còn có một số đồ dùng sinh hoạt khác. Nay ly hôn về tài sản gồm nhà đất và đồ dùng sinh hoạt; về tiền mặt: Vợ chồng có 20.190.000đ và 4 chỉ vàng bốn số chín là tiền mừng đám cưới. Nếu anh T không nhất trí với thỏa thuận giao số tiền và vàng mừng đám cưới là tài sản chung vợ chồng cho người nuôi hai con chưa thành niên thì chị N để lại chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu các bên không thỏa thuận được thì chị đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung vợ chồng bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về công nợ chung: Chị N, không kê khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Anh Vũ Văn T có lời khai phù hợp với lời khai của chị N về quá trình vợ chồng tìm hiểu kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống. Nhưng theo anh T nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không

hợp, quan điểm sống khác nhau, không T sự cảm thông chia sẻ cho nhau nên trong cuộc sống có xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, bản thân anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng T sự không còn, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2010 cho đến nay nên anh T nhất trí thuận tình ly hôn với chị N .

Về nuôi con chung: Anh T khai nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 10/3/1998, cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/02/2003 và cháu Vũ Ngọc Phát, sinh ngày 07/10/2009. Nay ly hôn vì cháu D đã có gia đình riêng nên anh T cũng không yêu cầu Tòa giải quyết, còn hai con nhỏ là cháu T và cháu Phát hiện đang ở cùng với chị N và ông bà ngoại. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phát, để cháu T cho chị N nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng có thỏa thuận về tiền và vàng mừng đám cưới là 20.190.000 đồng và 04 chỉ vàng bốn số chín là tài sản chung của vợ chồng dành để nuôi hai con chưa thành niên, nếu Tòa để anh nuôi cháu Phát thì anh đồng ý chia đôi số tiền và vàng này cho mỗi bên nuôi con còn nếu các con đều có mong muốn ở với chị N thì anh T không nhất trí để số tiền và vàng này lại cho chị N quản lý để nuôi dạy các con.

Về tài sản chung: Anh T công nhận chị N kê khai tài sản chung vợ chồng gồm có nhà, hai thửa đất, đồ dùng sinh hoạt; tiền mặt và vàng như lời trình bày của chị N là đúng, đến nay về phần tài sản chung anh T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh T khai nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ngày 23 tháng 8, chị Bùi Thị N, anh Vũ Văn T có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 28 tháng 8 anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình của chị và anh Vũ Văn T. Áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Áp dụng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Vũ Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hải P, huyện H, tỉnh N đăng kí kết hôn ngày 23/02/1998 là hoàn toàn hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị N và anh Vũ Văn T thì thấy do vợ chồng tính tình không hợp và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không cảm thông chia sẻ được với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau . Từ tháng 9 năm 2010 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh T xét thấy tình cảm vợ chồng T sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí thuận tình ly hôn với chị N. Do đó nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N, cho chị N và anh T ly hôn để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung:

Anh T, chị N khai nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 10/3/1998, cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/02/2003 và cháu Vũ Ngọc Phát, sinh ngày 07/10/2009. Hiện nay cháu D đã trưởng thành nên anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi hai con chưa thành niên là cháu T và cháu Phát, và xin nhận số tiền 20190.000đ và 4 chỉ vàng để nuôi dậy các con chưa thành niên nếu các con tiếp tục xin ở với chị, nếu anh T không nhất trí giao tài sản là tiền và vàng trên cho chị để chị nuôi con chưa thành niên thì chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T không nhất trí, anh T mong muốn được nuôi cháu Phát, để chị N nuôi cháu T.

Xét thấy hiện nay cháu Vũ Thị Thùy D đã thành niên và đi xây dựng gia đình riêng, hiện nay cháu D đã đi xây dựng gia đình riêng anh T chị N không yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyện vọng chị N được nuôi hai con chung chưa thành niên là cháu T và cháu Phát. Anh T có nguyện vọng xin nuôi cháu Phát, để cháu T cho chị N nuôi. Cháu Vũ Thị Thanh T, Vũ Ngọc Phát có nguyện vọng xin ở với chị N. Xét điều kiện, hoàn cảnh T tế hiện nay và yêu cầu của các bên, nguyện vọng của các con chung thì thấy bẩy năm nay vợ chồng chị N anh T sống ly thân, chị Bùi Thị N đã nuôi dưỡng ba con chung, hiện nay cháu D đã đi xây dựng gia đình, đến nay cháu Phát và cháu T đều trên bảy tuổi và có nguyện vọng xin ở với mẹ, để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ thơ, nguyện vọng của các con nên tiếp tục giao hai con chưa thành niên là cháu T và cháu Phát cho chị N nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị N và anh T không thống nhất thỏa thuận được việc lấy số tiền 20.190.000đ và 4 chỉ vàng bốn số chín là tài sản chung vợ chồng để nuôi dậy con chưa thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị Bùi Thị N yêu cầu anh Vũ Văn T cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của chị N buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung thì thấy anh T hiện nay làm nghề thợ xây là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và mức sinh hoạt trung bình của 2 con ở địa phương tại thời điểm hiện nay thì thấy hiện nay các cháu T và cháu Phát đang theo học các trường phổ thông cần tiền ăn học và nuôi dưỡng vì vậy buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con mức 1500.000đ/tháng cho hai con, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi sống mình là phù hợp với Điều 107; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tải sản chung và công nợ:

- Về tài sản chung: Chị N và anh T khai nhận vợ chồng có tài sản chung là: Vợ chồng có một ngôi nhà ba gian cấp bốn và một số công trình phụ khác xây trên thửa đất số 92, số tờ 20, diện tích 735m^2 tại xã Hải Phúc, đứng tên người sử dụng đất ông Vũ Văn T, bà Bùi Thị N. Thửa đất số thửa 94, số tờ 20, diện tích 310m^2 tại xã Hải Phúc, đứng tên ông Vũ Văn T, bà Bùi Thị N . Về tiền mặt: chị N ,anh T có 20.190.000đ và 4 chỉ vàng 9999 là tiền mừng khi cưới cháu D. Ngoài ra vợ chồng chị N, anh T còn có một số đồ dùng sinh hoạt khác. Nay ly hôn về tài sản gồm nhà, đất và đồ dùng sinh hoạt, tiền, vàng như kê khai ở trên chị N, anh T chưa đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị N, anh T không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Vũ Văn T.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 13/02/2003 và cháu Vũ Ngọc Phát, sinh ngày 07/10/2009 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng , chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T được quyền đi lại chăm sóc con. Nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở việc anh T đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Văn T cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung chưa thành niên mỗi tháng 1.500.000đ cho chị N kể từ tháng 9 năm 2017 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số 08977 ngày 02/06/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh Vũ Văn T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định 1 bản;
- VKSND tỉnh+huyện 2 bản;
- THAHS: 3 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS: 1 bản;
- UBND xã Hải Phúc:1 bản;
- Lưu hồ sơ + VP: 2 bản.

Nguyễn Thị Hằng